

Số: 3488/QĐ-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 06 tháng 12 năm 2018

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hòa giải ở cơ sở thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 7/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các thủ tục liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2338/QĐ-BTP ngày 06 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở thuộc phạm vi chức năng quản lý;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tại Tờ trình số 2537/TTr-STP ngày 13 tháng 11 năm 2018,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 04 thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực hòa giải ở cơ sở thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Bãi bỏ 04 thủ tục hành chính trong lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã tại Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 29/7/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật; lĩnh vực hòa giải ở cơ sở thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

*(Nội dung chi tiết tại Phụ lục kèm theo).*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định và Phụ lục kèm theo được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, tại địa chỉ: [www.baria-vungtau.gov.vn](http://www.baria-vungtau.gov.vn).

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

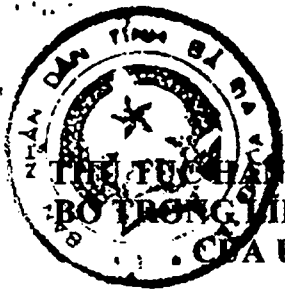
**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm soát TTHC- VPCP;
- TTr.Tỉnh ủy; TTr.HĐND tỉnh;
- Sở Nội vụ, Sở Tư pháp;
- Báo BRVT; Đài PTTH Tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh (Phòng KSTTHC);
- Bộ phận TN&TKQ tập trung cấp tỉnh;
- TT Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, STP.

KI. CHỦ TỊCH ✓  
PMO CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Tịnh



**PHỤ LỤC**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA VÀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÀ RIỆA - VŨNG TÀU**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3488/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa**

STT	Tên Thủ tục hành chính
1	Thủ tục công nhận hòa giải viên
2	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải
3	Thủ tục thôi làm hòa giải viên
4	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên

**2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ**

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ
1	Thủ tục bầu hòa giải viên (cấp xã)	- Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 hướng dẫn thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở
2	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên (cấp xã)	- Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 hướng dẫn thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở
3	Thủ tục bầu tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	- Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 hướng dẫn thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở
4	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	- Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 hướng dẫn thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở

**PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC CHUẨN HÓA VÀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BỎ TRONG LĨNH VỰC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**1. Thủ tục công nhận hòa giải viên**

**Trình tự thực hiện:**

- Trường hợp kết quả bầu hòa giải viên đáp ứng yêu cầu quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 3 Điều 8 của Luật hòa giải ở cơ sở, Trường ban công tác Mặt trận lập danh sách người được đề nghị công nhận là hòa giải viên kèm theo biên bản kiểm phiếu hoặc biên bản về kết quả biểu quyết bầu hòa giải viên gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được danh sách người được đề nghị công nhận hòa giải viên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định;

- Trường hợp số người được đề nghị công nhận là hòa giải viên lấy theo kết quả bỏ phiếu từ cao xuống thấp nhiều hơn số lượng hòa giải viên được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thì Trường ban công tác Mặt trận lập danh sách những người được đề nghị công nhận, trong đó bao gồm những người có số phiếu bằng nhau gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định;

\* **Nộp hồ sơ và trả kết quả** tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

\* **Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:** Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 30; chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00) trừ ngày lễ, tết.

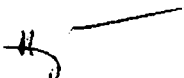
**Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

**Thành phần hồ sơ:**

- Danh sách người được đề nghị công nhận là hòa giải viên ( Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN).

- Biên bản kiểm phiếu hoặc biên bản về kết quả biểu quyết bầu hòa giải viên (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN trong trường hợp bầu hòa giải viên bằng hình thức biểu quyết công khai; Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN trong trường hợp bầu hòa giải viên bằng hình thức bỏ phiếu kín; Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN trong trường hợp bầu hòa giải viên bằng hình thức phát phiếu bầu đến hộ gia đình).

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.





**Thời hạn giải quyết hồ sơ:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Ủy ban nhân dân cấp xã.

**Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp xã.

**Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến:** Mức độ 2.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Trưởng ban Công tác Mặt trận.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Danh sách đề nghị công nhận hòa giải viên (Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN).

- Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN trong trường hợp bầu hòa giải viên bằng hình thức biểu quyết công khai; Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN trong trường hợp bầu hòa giải viên bằng hình thức bỏ phiếu kín; Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN trong trường hợp bầu hòa giải viên bằng hình thức phát phiếu bầu đến hộ gia đình).

**Lệ phí:** Không.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định công nhận hòa giải viên.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Người được đề nghị công nhận là hòa giải viên phải đạt trên 50% đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố đồng ý.

**Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013;

- Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 hướng dẫn thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.



Xã, phường, thị trấn:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....

Thôn, tổ dân phố:

.....

**BIÊN BẢN**

**VỀ KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT BẦU HÒA GIẢI VIÊN TẠI CUỘC HỌP ĐẠI DIỆN CÁC HỘ GIA ĐÌNH**

Hôm nay, vào.....giờ....., ngày.....tháng.....năm.....

Tại:.....

Thôn/tổ dân phố;..... tổ chức cuộc họp đại diện các hộ gia đình bầu hòa giải viên bằng hình thức biểu quyết công khai.

Tổ bầu hòa giải viên gồm các thành viên sau đây:

Ông (Bà):..... - Tổ Trưởng

Ông (Bà):..... - Phó tổ trưởng

Ông (Bà):..... - Thành viên

Ông (Bà):..... - Thành viên

Ông (Bà):..... - Thành viên

Ông (Bà):..... - Thành viên

Ông (Bà):..... - Thành viên

đã tiến hành xác định kết quả biểu quyết bầu hòa giải viên.

Tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố:.....

Số lượng đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp: .....

Kết quả biểu quyết:

Stt	Họ và tên	Số người biểu quyết đồng ý	Tỷ lệ % đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố đồng ý

#

*Ch*


Cuộc họp kết thúc vào..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....

Biên bản này được đọc công khai tại cuộc họp.

**ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH  
CHỨNG KIẾN<sup>1</sup>**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**TM. TỔ BÀU HÒA GIẢI VIÊN  
TỔ TRƯỞNG**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

---

<sup>1</sup> Chữ ký của đại diện hộ gia đình không có thành viên trong danh sách bầu làm hòa giải viên



Mẫu số 02

Xã, phường, thị trấn:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thôn, tổ dân phố:

**BIÊN BẢN**

**KIỂM PHIẾU BẦU HÒA GIẢI VIÊN TẠI CUỘC HỌP ĐẠI DIỆN CÁC HỘ GIA ĐÌNH**

Hôm nay, vào.....giờ....., ngày.....tháng.....năm.....

Tại:.....

Thôn/tổ dân phố;.....tổ chức cuộc họp đại diện các hộ gia đình bầu hòa giải viên bằng hình thức biểu quyết công khai.

Tổ bầu hòa giải viên gồm các thành viên sau đây:

Ông (Bà):..... - Tổ Trưởng

Ông (Bà):..... - Phó tổ trưởng

Ông (Bà):..... - Thành viên

Ông (Bà):..... - Thành viên

Ông (Bà):..... - Thành viên

Ông (Bà):..... - Thành viên

Ông (Bà):..... - Thành viên

đã tiến hành kiểm phiếu bầu hòa giải viên với sự có mặt chứng kiến của đại diện hộ gia đình không có thành viên trong danh sách bầu làm hòa giải viên là ông (bà):....., địa chỉ.....

Tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố: .....

Số lượng đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp: .....

Kết quả kiểm phiếu bầu hòa giải viên như sau:

- Tổng số phiếu phát ra:





- Tổng số phiếu thu về:
- Số phiếu hợp lệ:
- Số phiếu không hợp lệ:
- Kết quả kiểm phiếu:

Stt	Họ và tên	Số lượng phiếu bầu	Tỷ lệ % đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố đồng ý

Cuộc họp kết thúc vào..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....

Biên bản này được đọc công khai tại cuộc họp.

**ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH  
CHỨNG KIẾN<sup>2</sup>**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**TM. TỔ BÀU HÒA GIẢI VIÊN  
TỔ TRƯỞNG**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

<sup>2</sup> Chữ ký của đại diện hộ gia đình không có thành viên trong danh sách bầu làm hòa giải viên





Xã, phường, thị trấn:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....

Thôn, tổ dân phố:

.....

**BIÊN BẢN**

**KIỂM PHIẾU LẤY Ý KIẾN CÁC HỘ GIA ĐÌNH VỀ VIỆC BẦU HÒA GIẢI VIÊN**

Hôm nay, vào.....giờ....., ngày.....tháng.....năm.....

Tại:.....

Tô bầu hòa giải viên gồm các thành viên sau đây:

Ông (Bà):..... - Tổ Trưởng

Ông (Bà):..... - Phó tổ trưởng

Ông (Bà):..... - Thành viên

Ông (Bà):..... - Thành viên

Ông (Bà):..... - Thành viên

Ông (Bà):..... - Thành viên

Ông (Bà):..... - Thành viên

đã tiến hành kiểm phiếu lấy ý kiến các hộ gia đình về việc bầu hòa giải viên với sự có mặt chứng kiến của đại diện hộ gia đình không có thành viên trong danh sách bầu làm hòa giải viên là ông (bà):....., địa chỉ.....

.....

Tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố: .....

Kết quả kiểm phiếu bầu hòa giải viên như sau:

- Tổng số phiếu phát ra:

- Tổng số phiếu thu về:

- Số phiếu hợp lệ:

H. \_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_

- Số phiếu không hợp lệ:

- Kết quả kiểm phiếu:

Stt	Họ và tên	Số lượng phiếu bầu	Tỷ lệ % đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố đồng ý

Cuộc họp kết thúc vào..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....

Biên bản này được đọc công khai tại cuộc họp kiểm phiếu

**ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH  
CHỨNG KIẾN<sup>3</sup>**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**TM. TỔ BÀU HÒA GIẢI VIÊN  
TỔ TRƯỞNG**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

<sup>3</sup> Chữ ký của đại diện hộ gia đình không có thành viên trong danh sách bầu làm hòa giải viên



Mẫu số 06

Xã, phường, thị trấn:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thôn, tổ dân phố:

..., ngày ... tháng ... năm....

**DANH SÁCH**

**Đề nghị công nhận hòa giải viên**

**Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn**

Căn cứ kết quả bầu hòa giải viên (có biên bản gửi kèm), Ban công tác Mặt trận thôn/tổ dân phố.....đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn.....xem xét, quyết định công nhận hòa giải viên đối với các ông (bà) có tên sau đây:

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Tỷ lệ % đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố đồng ý

**TRƯỞNG BAN CÔNG TÁC**  
**MẶT TRẬN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

th

*[Handwritten signature]*

## **2. Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải**

### **Trình tự thực hiện:**

Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức cuộc họp bầu tổ trưởng tổ hòa giải, Trưởng ban công tác Mặt trận làm văn bản đề nghị công nhận tổ trưởng tổ hòa giải kèm theo biên bản kiểm phiếu hoặc biên bản về kết quả biểu quyết về việc bầu tổ trưởng tổ hòa giải, gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

**\* Nộp hồ sơ và trả kết quả** tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

**\* Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:** Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 30; chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00), trừ ngày lễ, tết.

**Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện

### **Thành phần hồ sơ:**

- Văn bản đề nghị công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN).

- Biên bản kiểm phiếu hoặc biên bản về kết quả biểu quyết về việc bầu tổ trưởng tổ hòa giải (Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN trong trường hợp bầu tổ trưởng tổ hòa giải viên bằng hình thức biểu quyết công khai; Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN trong trường hợp bầu tổ trưởng tổ hòa giải viên bằng hình thức bỏ phiếu kín).

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

**Thời hạn giải quyết hồ sơ:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Ủy ban nhân dân cấp xã.

**Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:** Không.

**Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp xã.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Trưởng ban công tác Mặt trận.

**Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến:** Mức độ 2.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy đề nghị công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN)

#

*Aut*

Biên bản kiểm phiếu hoặc biên bản về kết quả biểu quyết về việc bầu tổ trưởng tổ hòa giải (Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN trong trường hợp bầu tổ trưởng tổ hòa giải viên bằng hình thức biểu quyết công khai; Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN trong trường hợp bầu tổ trưởng tổ hòa giải viên bằng hình thức bỏ phiếu kín).

**Lệ phí:** Không.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định công nhận tổ trưởng tổ hòa giải.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Người được đề nghị công nhận là tổ trưởng tổ hòa giải phải đạt trên 50% số hòa giải viên của tổ hòa giải đồng ý và là người có số phiếu bầu cao nhất.

**Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013;
- Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 hướng dẫn thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.

Xã, phường, thị trấn:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  
VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thôn, tổ dân phố:

**BIÊN BẢN**

**VỀ KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT BẦU TỔ TRƯỞNG TỔ HÒA GIẢI**

Hôm nay, vào..... giờ....., ngày..... tháng..... năm.....

Tại:.....

Tổ hòa giải..... thôn/tổ dân  
phố.....

tổ chức cuộc họp bầu tổ trưởng tổ hòa giải bằng hình thức biểu quyết công khai.

Số lượng hòa giải viên của tổ hòa giải:.....

Số lượng hòa giải viên tham dự cuộc họp:.....

Kết quả biểu quyết bầu tổ trưởng tổ hòa giải như sau:.....

Stt	Họ và tên	Số người biểu quyết đồng ý	Tỷ lệ % hòa giải viên của Tổ hòa giải đồng ý

Cuộc họp kết thúc vào..... giờ..... ngày.... tháng..... năm.....

Biên bản này được đọc công khai tại cuộc họp.

**TRƯỞNG BAN CÔNG TÁC  
MẶT TRẬN**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Xã, phường, thị trấn:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  
VIỆT NAM**

.....

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Thôn, tổ dân phố:**

.....

**BIÊN BẢN**

**KIỂM PHIẾU BẦU TỔ TRƯỞNG TỔ HÒA GIẢI**

Hôm nay, vào.....giờ....., ngày.....tháng.....năm.....

Tại:.....

Tổ hòa giải .....thôn/tổ dân  
phố.....

tổ chức cuộc họp bầu tổ trưởng tổ hòa giải bằng hình thức bỏ phiếu kín.

Tổ kiểm phiếu bao gồm các ông (bà) có tên sau đây:

Ông (Bà):..... - Tổ Trưởng

Ông (Bà):..... - Thành viên

Ông (Bà):..... - Thành viên

Số lượng hòa giải viên của tổ hòa giải:.....

Số lượng hòa giải viên tham dự cuộc họp:.....

Kết quả kiểm phiếu bầu tổ trưởng tổ hòa giải như sau:

- Tổng số phiếu phát ra:

- Tổng số phiếu thu về:

- Số phiếu hợp lệ:

- Số phiếu không hợp lệ:

- Kết quả kiểm phiếu:







<b>Stt</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Số người biểu quyết đồng ý</b>	<b>Tỷ lệ % hòa giải viên của tổ hòa giải đồng ý</b>

Cuộc họp kết thúc vào..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....

Biên bản này được đọc công khai tại cuộc họp.

**TRƯỞNG BAN CÔNG TÁC  
MẶT TRẬN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**TM. TỔ KIỂM PHIẾU  
TỔ TRƯỞNG**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

H)



Xã, phường, thị trấn:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....

Thôn, tổ dân phố:

..., ngày ... tháng ... năm....

.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải**

**Kính gửi:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn

.....

Căn cứ kết quả bầu tổ trưởng tổ hòa giải (có biên bản gửi kèm), Ban công tác Mặt trận thôn/tổ dân phố.....đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn.....xem xét, quyết định công nhận tổ trưởng tổ hòa giải đối với ông (bà) có tên sau đây:

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Tỷ lệ % hòa giải viên của tổ hòa giải đồng ý

**TRƯỞNG BAN CÔNG TÁC**  
**MẶT TRẬN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)



### **3. Thủ tục thôi làm hòa giải viên**

#### **Trình tự thực hiện:**

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ khi nhận được đề nghị của tổ trưởng Tổ hòa giải về việc thôi làm hòa giải viên, Trường ban công tác Mặt trận chủ trì, phối hợp với trường thôn, tổ trưởng dân phố xem xét, xác minh, làm văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định thôi làm hòa giải viên.

Đối với trường hợp thôi làm hòa giải viên theo quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 1 Điều 11 của Luật Hòa giải ở cơ sở, nếu Trường ban công tác Mặt trận, trường thôn, tổ trưởng tổ dân phố không đồng ý với đề nghị của tổ trưởng tổ hòa giải hoặc Trường ban công tác Mặt trận và trường thôn, tổ trưởng tổ dân phố không thống nhất được với nhau về đề nghị của tổ trưởng tổ hòa giải, thì Trường ban công tác Mặt trận thông báo với tổ trưởng tổ hòa giải, nêu rõ lý do không đồng ý, đồng thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

Trường hợp thôi làm hòa giải viên đối với tổ trưởng tổ hòa giải thì Trường ban công tác Mặt trận phối hợp với trường thôn, tổ trưởng tổ dân phố làm văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định thôi làm hòa giải viên.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hoặc báo cáo về việc thôi làm hòa giải viên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

**\* Nộp hồ sơ và trả kết quả tại** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

**\* Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:** Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 30; chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00), trừ ngày lễ, tết.

**Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.


**Thành phần hồ sơ:** Văn bản đề nghị ra quyết định thôi làm hòa giải viên (Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN)/ Báo cáo về việc thôi làm hòa giải viên (Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN) trong trường hợp Trường ban công tác Mặt trận, trường thôn, tổ trưởng tổ dân phố không đồng ý với đề nghị của tổ trưởng tổ hòa giải hoặc Trường ban công tác Mặt trận và trường thôn, tổ trưởng tổ dân phố không thống nhất được với nhau về đề nghị của tổ trưởng tổ hòa giải.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

**Thời hạn giải quyết hồ sơ:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hoặc báo cáo về việc thôi làm hòa giải viên.

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Ủy ban nhân dân cấp xã.





**Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:**  
Không.

**Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp xã.

**Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến:** Mức độ 2.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Trưởng ban công tác Mặt trận.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Giấy đề nghị về việc thôi làm hòa giải viên hoặc Báo cáo về việc thôi làm hòa giải viên. (Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN)/ Báo cáo về việc thôi làm hòa giải viên (Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN) trong trường hợp Trưởng ban công tác Mặt trận, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố không đồng ý với đề nghị của tổ trưởng tổ hòa giải hoặc Trưởng ban công tác Mặt trận và trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố không thống nhất được với nhau về đề nghị của tổ trưởng tổ hòa giải.

**Lệ phí:** Không.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định thôi làm hòa giải viên.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Việc thôi làm hòa giải viên được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

- Theo nguyện vọng của hòa giải viên;
- Hòa giải viên không còn đáp ứng một trong các tiêu chuẩn quy định tại Điều 7 của Luật Hòa giải ở cơ sở;
- Vi phạm nguyên tắc tổ chức, hoạt động hòa giải ở cơ sở theo quy định tại Điều 4 của Luật Hòa giải ở cơ sở hoặc không có điều kiện tiếp tục làm hòa giải viên do bị xử lý vi phạm pháp luật.

**Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013;
- Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 hướng dẫn thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.



Xã, phường, thị trấn:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thôn, tổ dân phố:

..., ngày ... tháng ... năm....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**Về việc thôi làm hòa giải viên**

**Kính gửi:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn

Căn cứ đề nghị của tổ trưởng tổ hòa giải:.....

về việc thôi làm hòa giải viên, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn.....xem xét, quyết định thôi làm hòa giải viên đối với ông (bà):.....

địa chỉ.....

Lý do thôi làm hòa giải viên:.....

**TRƯỞNG THÔN/  
TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**TRƯỞNG BAN CÔNG TÁC MẶT  
TRẬN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

th



Xã, phường, thị trấn:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....

Thôn, tổ dân phố:

.....  
....., ngày ... tháng ... năm....

.....

**BÁO CÁO**

**Về việc thôi làm hòa giải viên**

**Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn**

.....

Ngày.....tháng.....năm....., tổ trưởng tổ hòa giải:.....

.....

đề nghị thôi làm hòa giải viên đối với ông (bà): .....

địa chỉ.....

với lý do:.....

.....

- Ý kiến của Trưởng ban công tác Mặt trận:

.....

- Ý kiến của trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố:

.....

Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn.....

..... xem xét, quyết định.

**TRƯỞNG THÔN/  
TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**TRƯỞNG BAN CÔNG TÁC MẶT  
TRẬN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

th

th

#### **4. Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên**

##### **Trình tự thực hiện:**

- Tổ trưởng tổ hòa giải lập hồ sơ đề nghị thanh toán thù lao cho hòa giải viên.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định và trả thù lao cho hòa giải viên thông qua tổ hòa giải; trường hợp quyết định không thanh toán cho hòa giải viên thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

\* **Nộp hồ sơ và trả kết quả** tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

\* **Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:** Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (sáng từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 30; chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00), trừ ngày lễ, tết.

**Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

##### **Thành phần hồ sơ:**

Giấy đề nghị thanh toán thù lao của hòa giải viên có ghi rõ họ, tên, địa chỉ của hòa giải viên; tên, địa chỉ tổ hòa giải; số tiền đề nghị thanh toán; nội dung thanh toán (có danh sách các vụ, việc trong trường hợp đề nghị thanh toán thù lao cho nhiều vụ, việc); chữ ký của hòa giải viên; chữ ký xác nhận của tổ trưởng tổ hòa giải.

Xuất trình Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở để đối chiếu khi cần thiết.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

**Thời hạn giải quyết hồ sơ:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Tổ hòa giải thực hiện trả thù lao cho hòa giải viên theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được thù lao.

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Ủy ban nhân dân cấp xã.

**Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:** Không.

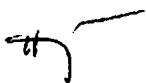
**Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp xã.

**Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến:** Mức độ 2.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ trưởng tổ hòa giải.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**Lệ phí:** Không.



• **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định thanh toán thù lao cho hòa giải viên/ hoặc văn bản trả lời trong trường hợp quyết định không thanh toán.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Điều kiện được hưởng thù lao theo vụ, việc của hòa giải viên:

- Vụ, việc được tiến hành hòa giải và đã kết thúc trong trường hợp:

+ Các bên đạt được thỏa thuận;

+ Một bên hoặc các bên yêu cầu chấm dứt hòa giải;

+ Hòa giải viên quyết định kết thúc hòa giải khi các bên không thể đạt được thỏa thuận và tiếp tục hòa giải cũng không thể đạt được kết quả.

- Hòa giải viên không vi phạm nghĩa vụ sau:

+ Thực hiện hòa giải khi có căn cứ theo quy định tại Điều 16 của Luật Hòa giải ở cơ sở.

+ Tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 4 của Luật Hòa giải ở cơ sở.

+ Từ chối tiến hành hòa giải nếu bản thân có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ, việc hòa giải hoặc vì lý do khác dẫn đến không thể bảo đảm khách quan, công bằng trong hòa giải.

+ Thông báo kịp thời cho tổ trưởng tổ hòa giải để báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có biện pháp phòng ngừa trong trường hợp thấy mâu thuẫn, tranh chấp nghiêm trọng có thể dẫn đến hành vi bạo lực gây ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của các bên hoặc gây mất trật tự công cộng.

+ Thông báo kịp thời cho tổ trưởng tổ hòa giải để báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý trong trường hợp phát hiện mâu thuẫn, tranh chấp có dấu hiệu vi phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành hoặc pháp luật về hình sự.

**Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013;

- Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở.

H)

Csk